TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:24/2024/HNGĐ - ST
Ngày 29 - 3 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Xuân Vũ;
2. Bà Đoàn Thị Mến.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Tầm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 291/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Thông báo mở phiên tòa số 04/2024/TB-XX ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Gi**, sinh năm 1982.

Trú tại: Tổ 13, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th,** sinh năm 1977.

Trú tại: Tổ 13, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh YB; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị Gi trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Gi và anh Nguyễn Văn Th kết hôn ngày 13 tháng 12 năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện

Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th không quan tâm đến chị Gi dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, hiện tại không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Gi xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Gi được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Chị Gi và anh Th có hai con chung là Nguyễn Hoàng Tú, ngày 13 tháng 7 năm 2000; Nguyễn Tấn Sang, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2011 con lớn đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết việc nuôi con chung, con nhỏ cháu Sang hiện con chung đang sinh sống cùng với chị Gi, sau khi ly hôn chị Gi yêu cầu tòa án xem xét giao cháu Sang cho chị trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Sang đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi, Chị Gi không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành phiên hoà giải, nhưng anh Th không có mặt tại Tòa án, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được và xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng, nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, anh Th vắng mặt chưa hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Gi được ly hôn với anh Th. Về con chung, căn cứ điều kiện về chỗ ở, học tập của cháu Sang. Cần giao cho chị Gi là người trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Tấn Sang, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2011 về cấp dưỡng do chị Gi không yêu cầu nên anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí Chị Giphải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, theo đơn khởi kiện của Hoàng Thị Gi, do bị đơn anh Th có hộ khẩu thường trú tại Tổ 13, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh YB. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do anh Th được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có ly do.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Gi và anh Nguyễn Văn Th kết hôn ngày 13 tháng 12 năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 5, Điều 6 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của chị Gi tháng 9 năm 2022 chị và anh Th phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị và anhTh bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau không quan tâm đến nhau.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chungthuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cung nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Trên thực tế vợ chồng chị Gi và anh Th thường xảy ra mâu thuẫn là đúng thực tế, căn cứ biên bản xác minh ngày 25 tháng 12 năm 2023 tại Tổ 13, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh YB.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Gi và anh Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Gi được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

[3] Về con chung: Chị Gi và anh Th có hai con chung con lớn là Nguyễn Hoàng Tú, ngày 13 tháng 7 năm 2000 đã trưởng thành; con nhỏ Nguyễn Tấn Sang, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2011. Khi ly hôn chị Gi yêu cầu Tòa án giải quyết cho giao chị Gi được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Sang, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Gi hiện có chỗ ở ổn định, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) một tháng bảo đảm cho việc nuôi con chung, mặt khác con chung cháu Sang trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ. Về cấp dưỡng chị Gi không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, do đó anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 việc giao con chung cho chị Gi nuôi dưỡng, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị Gi phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Gi được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

2. Về nuôi con chung: Chị Hoàng Thị Gi trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Tấn Sang, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2011 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Th có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Gi phải nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* theo biên lai số: AA/2023/0001576 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị Gi đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo bản án: Án xử công khai sơ thẩm chị Gi, anh Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã YT;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKS Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Minh Chuẩn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Minh Chuẩn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh